

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 542.../2024/BBH/AME-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hưng Yên, ngày 17 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Thông tin Doanh nghiệp:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**
- Mã số doanh nghiệp: 0100520683
- Địa chỉ trụ sở: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian tiến hành Đại hội: 08h00 phút, Ngày 17 tháng 04 năm 2024
- Địa điểm: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

3. Mục đích:

Cổ đông dự họp sẽ bàn bạc và thảo luận các vấn đề của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành phần tham dự:

a. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu:

- Trưởng ban: Bà Chu Hà Phương
- Thành viên: Bà Phạm Quỳnh Mai

b. Các cổ đông:

Tổng số cổ đông tham dự họp: 13 cổ đông, đại diện cho 62.355.130 cổ phần chiếm tỷ lệ 95,64% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. (Danh sách cổ đông dự họp đính kèm)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Alphanam E&C có đủ điều kiện để tiến hành họp.

c. Chủ tọa và Thư ký Đại hội:

Đại hội đã tiến hành thông qua các ông/bà sau làm Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký đại hội:

- Chủ tọa: Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Thư ký (người ghi biên bản): Bà Lê Thị Lương
- Đoàn Chủ tọa gồm:

- Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Minh Nhật – Thành viên HĐQT
- Bà Trương Thị Thu Hiền – Tổng Giám đốc

d. Ban kiểm phiếu:



Đại hội đã tiến hành thông qua các ông/bà sau vào Ban Kiểm phiếu:

- Trưởng ban: Bà Nguyễn Thị Hải Yến
- Thành viên: Bà Lê Thị Lương

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Đại diện Ban tổ chức đã thông qua Chương trình Đại hội.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình đại hội.

III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Bà Trương Thị Thu Hiền – Tổng giám đốc thay mặt Ban điều hành báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Tổng tài sản	2.165.874.237.583	2.516.041.909.541
2	Doanh thu thuần	1.697.662.228.352	2.215.317.341.019
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.619.529.508	21.197.554.991

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2023

2.2 Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng tài sản	2.516.041.909.541	2.540.272.342.444
2	Doanh thu thuần	2.215.317.341.019	3.075.625.930.503
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.197.554.991	22.865.003.458

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

Bà Bùi Kim Yến – Trưởng Ban kiểm soát đại diện Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội

- Ban tổ chức Đại hội đã thông qua Quy chế biểu quyết tại Đại hội.
- Ban tổ chức Đại hội đã đọc 09 Tờ trình đề Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.
- Đại hội đã tiến hành biểu quyết theo hình thức điền Phiếu biểu quyết.
- Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết.
- Trưởng ban kiểm phiếu đã đọc và thông qua Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội chi tiết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu thu về : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.



- Tổng số phiếu hợp lệ : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

4.1 Tờ trình số 01 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.

4.2 Tờ trình số 02 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

4.3 Tờ trình số 03 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

4.4 Tờ trình số 04 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

4.5 Tờ trình số 05 - Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023.

4.6 Tờ trình số 06- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

1003
TY
AN
MEG
-TPV

- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

4.7 Tờ trình số 07 – Phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và 2024

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và 2024.

4.8 Tờ trình số 08 – Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

4.9 Tờ trình số 09– Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty

- Tán thành : 62.355.130 phiếu, chiếm: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty.

IV. Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Không có cổ đông nào có ý kiến khác.

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Bà Lê Thị Lương - Thư ký Đại hội đã đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Đại hội.

Tất cả các Đại biểu đã biểu quyết 100% thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tọa đã tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 10 giờ cùng ngày.

THƯ KÝ



Lê Thị Lương

**CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT**



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 542.../2024/NQ/AME- ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hưng Yên, ngày 17 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 542.../2024/NQ/AME- ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau:
1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023.
 2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.
 4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.
 5. Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023.
 6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
 7. Không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023, 2024.
 8. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh.
 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu VP.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hung Yên, Ngày 17 tháng 04 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Vào hồi 08h05, Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

- Trưởng ban: Bà Chu Hà Phương
- Thành viên: Bà Phạm Quỳnh Mai

Theo quy định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu tới dự Đại hội với kết quả như sau:

I. Đại biểu tham dự hợp lệ:

Số lượng Đại biểu tham gia:	13
Trong đó tham gia trực tiếp:	01
Số lượng Đại biểu ủy quyền:	12
Đại diện cho:	62.355.130 cổ phần
Chiếm:	95,64% số cổ phần có quyền biểu quyết

II. Số lượng cổ đông vắng mặt

Số lượng cổ đông:	390
Đại diện cho:	2.844.870 cổ phần
Chiếm:	4,36% số cổ phần có quyền biểu quyết

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C năm 2023 với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi 08h15 ngày 17 tháng 04 năm 2024 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Hung Yên, ngày 17 tháng 04 năm 2024

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
TRƯỞNG BAN

Chu Hà Phương

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

Chu Hà Phương

Phạm Quỳnh Mai



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

STT	Họ tên cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu Ủy quyền		Ghi chú
			Người được ủy quyền	Số cổ phiếu được Ủy	
1	Công ty cổ phần đầu tư ALPHANAM	54.120.210	Nguyễn Minh Nhật	54.120.210	
2	Nguyễn Minh Nhật	2.816.815			
3	Công ty cổ phần Alphanam	3.960.170	Nguyễn Minh Nhật	3.960.170	
4	Nguyễn Thị Kim Ngân	329.100	Bùi Hoàng Tuấn	329.100	
5	Đỗ Xuân Tiến	6.600	Bùi Hoàng Tuấn	6.600	
6	Nguyễn Hữu Việt	154.472	Bùi Hoàng Tuấn	154.472	
7	Nguyễn Thị Kim Ngân	11.200	Bùi Hoàng Tuấn	11.200	
8	Lê Thị Bích Liên	50	Bùi Hoàng Tuấn	50	
9	Nguyễn Thu Trang	822.133	Bùi Hoàng Tuấn	822.133	
10	Nguyễn Thị Phương Lan	7.800	Bùi Hoàng Tuấn	7.800	
11	Lâm Sơn Tùng	110.000	Bùi Hoàng Tuấn	110.000	
12	Nguyễn Tuấn Trang	3.600	Bùi Hoàng Tuấn	3.600	
13	Đỗ Thúy Nga	12.980	Bùi Hoàng Tuấn	12.980	
	TỔNG 13 CỔ ĐÔNG	62.355.130		62.355.130	...



CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---000---

Hung Yên, ngày 17 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Vào hồi 9h30, ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Ban kiểm phiếu gồm:

Bà: Nguyễn Thị Hải Yến

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm phiếu

Bà: Lê Thị Lương

Chức vụ: Thành viên

Tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Số lượng Đại biểu tham gia: 13

Trong đó tham gia trực tiếp: 1

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12

Đại diện cho: 62,355,130 cổ phần

Chiếm: 95.64% % số cổ phần có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

I. Các nội dung Biểu quyết:

Tổng số phiếu phát ra: 62,355,130 đại diện cho

62,355,130 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu thu được: 62,355,130 đại diện cho

62,355,130 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

1 Tờ trình số 01 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100% số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

2 Tờ trình số 02 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100% số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

3 Tờ trình số 03 - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

4 Tờ trình số 04 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

5 Tờ trình số 05 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

6 Tờ trình số 06 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

7 Tờ trình số 07 - Phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 và năm 2024

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

8 Tờ trình số 08 - Thông qua sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 và năm 2024

Tán thành: 62,355,130 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp



9 Tờ trình số 09 – Thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty

Tán thành:	62,355,130 cổ phần, chiếm:	100 % số cổ phần biểu quyết dự họp
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm:	0 % số cổ phần biểu quyết dự họp
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm:	0 % số cổ phần biểu quyết dự họp

Biên bản được lập lúc 9h45 ngày 17/04/2024 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C năm 2024

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Thị Lương

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Nguyễn Thị Hải Yến



QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Alphanam E&C quy định Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty cổ phần Alphanam E&C (gọi tắt là “Công ty”).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
- Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông;
- Quy định việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của Đại hội đạt kết quả cao nhất.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
3. Không nói chuyện riêng. Điện thoại di động cần để chế độ im lặng.
4. Đại hội đồng cổ đông chỉ thảo luận, biểu quyết về các nội dung đã có trong Chương trình nghị sự



III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

- Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.
- Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.
- Thẻ lệ biểu quyết:**
 - Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một đơn vị biểu quyết.
 - Tất cả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội.
 - Việc bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu được thông qua và có hiệu lực khi được trên 50% số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt dự Đại hội thống nhất biểu quyết.
 - Các nghị quyết, quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội thông qua, trừ các nội dung khác theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
 - Kết quả biểu quyết được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa, Ban thư ký làm cơ sở hoàn thiện Biên bản và Nghị quyết.
 - Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
- Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thẻ lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.



VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. *SK*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2024**

Kính thưa Quý Cổ đông Công ty!

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty, tôi xin trân trọng chào mừng tất cả Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Tại Đại hội lần này, tôi xin báo cáo đến toàn thể Quý Cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

1. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành:

Trong năm 2023, các thành viên Ban điều hành đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách của mình trong việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra, luôn đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng tài sản	2.165.874.237.583	2.516.041.909.541	116,17
2	Doanh thu thuần	1.697.662.228.352	2.215.317.341.019	130,49
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.619.529.508	21.197.554.991	102,80

Năm 2023 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hậu quả của dịch bệnh Covid-19 và sự bất ổn về chính trị thế giới. Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, được cụ thể như sau:

+ Chỉ số Lợi nhuận sau thuế TNDN ghi nhận kết quả khả quan: Kết quả Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 đạt 102,80% kế hoạch.

+ Đối với chỉ số Doanh thu thuần ghi nhận con số tích cực, đạt 130,49% so với kế hoạch đặt ra năm 2023.

3. Đánh giá về các mặt năm 2023

a. Đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp:

- Năm 2023, HĐQT luôn bám sát, theo dõi những diễn biến thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với tình hình thực tế,

định hướng tốt cho Ban điều hành trong triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết nghị của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đã tham gia chỉ đạo sát sao các hoạt động của Công ty.
- HĐQT công ty đã tổ chức thành công, đúng quy trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong năm 2023.

b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành dưới sự quản lý và chỉ đạo của HĐQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong hoạt động điều hành, Ban điều hành đã thường xuyên báo cáo xin ý kiến của HĐQT, đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh hàng ngày, đảm bảo việc điều hành linh hoạt và hiệu quả.

PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Nhận định chung về tình hình năm 2024

Đại dịch Covid-19 đã qua đi nhưng hậu quả của đại dịch và những bất ổn chính trị, lạm phát kinh tế tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Do đó, năm 2024 sẽ tiếp tục là năm sóng gió và nhiều thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và doanh nghiệp xây lắp cơ điện nói riêng. Những khó khăn và thuận lợi mà Ban điều hành Công ty xác định trong năm 2024 như sau:

a. Khó khăn:

- Tình hình chính trị bất ổn, làn sóng phá sản trên thế giới đang lan rộng.
- Giá nguyên vật liệu phục vụ cho ngành xây dựng tăng.

b. Thuận lợi:

- Năm nay, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6-6,5%. Theo các chuyên gia, mục tiêu này chúng ta có thể đạt được bởi Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế vì sự ổn định về kinh tế, chính trị và khả năng hội nhập nền kinh tế toàn cầu.
- Công ty thực hiện tốt công tác tái cấu trúc hệ thống, đã tổ chức và hoạt động của Công ty theo phương châm chuyên nghiệp hóa, giảm chi phí, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.

Năm 2024 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước, Ban điều hành Công ty cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu lựa chọn và vạch ra những chiến lược phù hợp để Công ty có thể vượt qua giai đoạn kinh tế khó khăn, kinh doanh có lợi nhuận.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Tổng tài sản	2.516.041.909.541	2.540.272.342.444	
2	Doanh thu thuần	2.215.317.341.019	3.075.625.930.503	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.197.554.991	22.865.003.458	



3. Định hướng hoạt động của công ty trong năm 2024:

- Tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà trọng tâm là hoàn thành tái cấu trúc công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và phát triển mạnh mẽ trong hoạt động xây lắp cơ điện.
- Tiếp tục đẩy mạnh tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển, đầu tư nâng cao thương hiệu, hình ảnh đối với khách hàng, đối tác, xã hội.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty: thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí.
- Thực hành phát triển bền vững (ESG).

Chúng tôi cam kết Ban điều hành cũng như cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Alphanam E&C sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2024, phấn đấu vượt qua những thử thách, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định và bền vững.

Nhân dịp này, thay mặt Ban điều hành Công ty cổ phần Alphanam E&C, tôi xin cảm ơn các Quý Cổ đông, các tổ chức và đối tác đã ủng hộ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho HĐQT và Ban điều hành trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thịnh vượng và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Thu Hiền



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Alphanam E&C, tôi xin gửi đến tất cả Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo tới Đại hội về kết quả hoạt động, công tác quản trị của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C trong năm 2023 và định hướng chiến lược phát triển trong năm 2024, cụ thể như sau:

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động

1. Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị năm 2023

- Năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C gồm có 03 thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT độc lập

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, kỹ thuật, pháp luật và phát triển dự án cũng như sự cân đối giữa các thành viên điều hành, thành viên không điều hành và các thành viên độc lập.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2023

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tổ chức các buổi họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao như các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị công ty không nhận thù lao.



II. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2023**

1. **Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước, những khó khăn của ngành xây lắp cơ điện và những khó khăn nội tại của Công ty, Hội đồng quản trị đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, định hướng phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, đề ra nhiều giải pháp quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giúp duy trì được hoạt động của Công ty trong giai đoạn khó khăn, tạo được dòng tiền đủ trang trải các chi phí trực tiếp và gián tiếp của công ty năm 2023.

Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty đạt 2.215.317.341.019 đồng.

2. **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành**

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2023 đã đề ra của Công ty.

Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2023 là sự cố gắng của Ban điều hành Công ty với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn.

Kết quả này đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban điều hành, sự đồng lòng của các cán bộ nhân viên, Công ty sẽ đạt và vượt được các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị giao phó, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp và sự cạnh tranh khốc liệt.

3. **Phương hướng đầu tư sản xuất kinh doanh trong năm 2024**

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung triển khai các dự án đang thực hiện, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hơn nữa. Đồng thời, Hội đồng quản trị tập trung tìm kiếm các dự án, các cơ hội đầu tư, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược của Công ty trong năm tiếp theo.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, căn cứ và tình hình chung của ngành kinh doanh bất động sản, sau khi rà soát các kế hoạch, dự án sẽ triển khai trong năm 2024, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

520
NG
PHÁ
ANAM
QUẢN

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng tài sản	2.516.041.909.541	2.540.272.342.444
2	Doanh thu thuần	2.215.317.341.019	3.075.625.930.503
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.197.554.991	22.865.003.458

Hội đồng quản trị hi vọng rằng, với bề dày kinh nghiệm, tiềm năng nội lực và sự ủng hộ của toàn thể cổ đông, đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần Alphanam E&C sẽ vượt qua được giai đoạn kinh tế khó khăn.

Và cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các quý vị cổ đông trong thời gian qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Bùi Hoàng Tuấn





Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
Về tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Alphanam E&C**

Kính thưa Quý Cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2023.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Alphanam E&C tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023

1. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
2. Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
3. Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 06 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.
5. Năm 2023, Ban kiểm soát không nhận thù lao.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

1. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2023, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính



xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

2. Về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty năm 2023

a. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b. Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban điều hành.
- Các hoạt động của Công ty trong năm 2023 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nằm trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh. Cùng với mục tiêu mở rộng hoạt động, Hội đồng quản trị và Ban điều hành rất quan tâm củng cố bộ máy tổ chức nhân sự và hệ thống quản lý của Công ty để ngày càng hoàn thiện hơn và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty như sau:

❖ Một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng tài sản	2.165.874.237.583	2.516.041.909.541	116,17
2	Doanh thu thuần	1.697.662.228.352	2.215.317.341.019	130,49
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.619.529.508	21.197.554.991	102,80

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2023 phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

5206
NG T
PHÂN
ANAM
XUÂN

- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở số liệu thực tế và trung thực, phản ánh đúng tình hình tài chính và tuân thủ chế độ kế toán Việt Nam.
- 4. **Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác:**
- 4.1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
Với kết quả hoạt động năm 2023, Ban kiểm soát đánh giá cụ thể như sau:
 - Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.
 - Ban kiểm soát đề nghị Công ty trong thời gian tới tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định và hạn chế rủi ro.
- 4.2. Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa công ty và các bên liên quan
Năm 2023, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 4.3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.
Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.
Thực hiện chế độ báo cáo ĐHCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới ĐHCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.
HĐQT và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ Tổng giám đốc.

III. Kết luận

Hoạt động của Công ty trong năm 2023 tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, tuân thủ và chấp hành theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2023 các bộ phận trong Công ty hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ đã ban hành.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Bùi Kim Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 01 /2024/TTtr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 *(Chi tiết trong file đính kèm)*.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 02/2024/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số thông tin chi tiết như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Tổng tài sản	2.165.874.237.583	2.516.041.909.541
2	Doanh thu thuần	1.697.662.228.352	2.215.317.341.019
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.619.529.508	21.197.554.991

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng tài sản	2.516.041.909.541	2.540.272.342.444
2	Doanh thu thuần	2.215.317.341.019	3.075.625.930.503
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.197.554.991	22.865.003.458

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 03/2024/TTTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 (Chi tiết trong file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---o0o---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/2024/TTr/AME-HDQT

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Chi tiết trong file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 41
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 41

20
CỔ
PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2023
Ông Nguyễn Văn Trường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2023

Số : 39 /2024/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số V.05 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả về các khoản phải thu liên quan đến các khoản trả trước cho người bán để thực hiện hợp đồng kinh tế nhưng không tiếp tục thực hiện và đã thanh lý hợp đồng. Các khoản phải thu nêu trên không có tài sản đảm bảo và không quy định tính lãi chậm thanh toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này lập tại ngày 24 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2024-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.439.675.877.440	2.065.307.834.040
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	8.657.099.514	34.969.766.460
1.	Tiền	111		7.937.099.514	34.969.766.460
2.	Các khoản tương đương tiền	112		720.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.560.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	12.560.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.747.781.942.437	1.115.533.876.193
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	860.281.539.673	426.069.930.467
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	348.350.805.411	681.927.965.857
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	545.694.152.993	14.080.535.509
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(6.544.555.640)	(6.544.555.640)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	668.564.048.602	879.905.486.436
1.	Hàng tồn kho	141		668.564.048.602	879.905.486.436
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.112.786.887	34.898.704.951
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.459.201.373	2.180.929.644
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		653.585.514	32.717.775.307
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.366.032.101	79.946.874.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
II.	Tài sản cố định	220		15.776.251.586	16.656.591.042
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15.628.476.313	16.393.799.643
	- Nguyên giá	222		43.831.353.315	40.596.323.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28.202.877.002)	(24.202.524.042)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	147.775.273	262.791.399
	- Nguyên giá	228		1.051.687.851	1.051.687.851
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(903.912.578)	(788.896.452)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		60.589.780.515	63.290.282.993
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	60.589.780.515	63.290.282.993
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.516.041.909.541	2.145.254.708.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

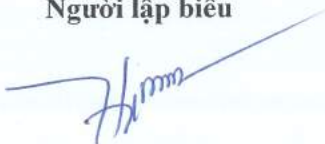
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.729.144.510.179	1.379.554.863.704
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.729.144.510.179	1.379.554.863.704
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	541.222.698.555	624.531.219.307
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	65.206.077.705	158.148.715.064
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.918.175.461	6.099.909.128
4.	Phải trả người lao động	314		8.337.160.012	6.170.279.599
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.672.127.430	3.350.763.439
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.612.621.200	1.269.920.141
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	82.553.257.823	6.537.177.620
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.007.622.391.993	573.446.879.406
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.897.399.362	765.699.844.371
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	786.897.399.362	765.699.844.371
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		652.000.000.000	652.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		652.000.000.000	652.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(194.400.000)	(194.400.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.250.932.452	113.053.377.461
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		113.053.377.461	92.207.697.344
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.197.554.991	20.845.680.117
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.516.041.909.541	2.145.254.708.075

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Hải Yến

Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.215.317.341.019	2.213.252.011.607
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.215.317.341.019	2.213.252.011.607
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.099.603.626.568	2.093.291.709.111
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.713.714.451	119.960.302.496
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	934.085.453	1.431.543.516
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	64.917.520.658	56.558.951.468
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.257.134.950	54.758.965.719
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	27.500.951.616	38.379.572.991
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.229.327.630	26.453.321.553
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	3.866.374.934	20.034.042
12.	Chi phí khác	32	VI.06	984.780.438	7.104.279
13.	Lợi nhuận khác	40		2.881.594.496	12.929.763
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.110.922.126	26.466.251.316
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	5.913.367.135	5.620.571.199
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.197.554.991	20.845.680.117
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	325	428
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	325	428

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Yến

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		27.110.922.126	26.466.251.316
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		4.115.369.086	3.108.199.049
-	Các khoản dự phòng	03		-	(805.731.823)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	428.897.589
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(272.075.403)	(60.762.606)
-	Chi phí lãi vay	06		63.257.134.950	54.758.965.719
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		94.211.350.759	83.895.819.244
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(600.164.044.037)	1.086.199.224.377
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		211.341.437.834	(316.050.497.086)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(85.479.691.419)	(1.069.726.551.415)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.422.230.749	2.213.802.460
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(62.830.870.289)	(54.598.930.652)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.445.806.489)	(5.747.137.348)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(444.945.392.892)	(273.814.270.420)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.235.029.630)	(5.757.173.455)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.960.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.446.370.914	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		205.872.075	60.762.606
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(15.542.786.641)	(5.696.410.849)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	399.805.600.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.364.061.335.513	1.001.735.433.744
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(929.885.822.926)	(1.104.899.667.937)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(7.597.239.053)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		434.175.512.587	289.044.126.754
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(26.312.666.946)	9.533.445.485
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.969.766.460	25.436.013.725
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	307.250
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		8.657.099.514	34.969.766.460

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Hải Yến

Trương Thị Thu Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 181 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 170 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên không có khả năng thu hồi hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản của Công ty là doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định đáng tin cậy. Trường hợp cho thuê bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Việc ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cho thuê bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch cho thuê bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

Khoản chi phí tài chính trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	7.937.099.514	34.969.766.460
+ Tiền mặt	25.038.343	9.437.438
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.912.061.171	34.960.329.022
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	720.000.000	-
Cộng	8.657.099.514	34.969.766.460

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất 3,5%/năm.

02. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	12.560.000.000	12.560.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.560.000.000	12.560.000.000	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	12.560.000.000	12.560.000.000	-	-

(*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,0% đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	860.281.539.673	426.069.930.467
- Công ty Cổ phần Đầu tư Delta Việt Nam Số 1	571.276.437.288	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	110.281.982.581	23.879.015.997
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	28.484.977.862	202.665.692.094
- Ban QLDA các Công trình điện miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện Quốc Gia	12.312.526.275	47.906.601.445
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	39.849.956.299	107.704.809.689
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	98.075.659.368	43.913.811.242
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	860.281.539.673	426.069.930.467

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	348.350.805.411	681.927.965.857
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	114.561.774.881	-
- Công ty Cổ phần Virex	75.413.125.988	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	31.184.428.547	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	70.515.000.000	449.600.000.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	128.210.814.183
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	25.040.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	56.676.475.995	79.077.151.674
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	348.350.805.411	681.927.965.857

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	128.210.814.183
Cộng	-	128.210.814.183

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	545.694.152.993	-	14.080.535.509	-
- Tạm ứng	1.309.511.096	-	201.157.438	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.096.634.684	-	13.563.800.000	-
+ Tiền gửi thế chấp ^(*)	7.031.984.684	-	10.513.800.000	-
+ Các khoản khác	3.064.650.000	-	3.050.000.000	-
- Phải thu khác ^(**)	534.288.007.213	-	315.578.071	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây ⁽¹⁾	382.400.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn ⁽²⁾	107.341.742.247	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á ⁽³⁾	13.640.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung ⁽⁴⁾	30.695.000.000	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	211.264.966	-	315.578.071	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	545.694.152.993	-	14.080.535.509	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh Thành phố Hà Nội, lãi suất 1,1 %/năm được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh Thành phố Hà Nội.

(**) Các khoản phải thu liên quan đến các khoản trả trước cho người bán để thực hiện các hợp đồng thi công xây dựng nhưng không tiếp tục thực hiện và đã thanh lý hợp đồng, tổng số dư phải thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 534.076.742.247 đồng. Các khoản phải thu này không có tài sản đảm bảo và không quy định tính lãi chậm thanh toán. Thời hạn hoàn trả của các khoản phải thu này như sau:

- (1) Thời hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 01/07/2023.
- (2) Thời hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 01/07/2023.
- (3) Thời hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 01/11/2023.
- (4) Không quy định thời hạn hoàn trả.

Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá là các khoản công nợ phải thu khác có khả năng thu hồi do các đối tượng nêu trên vẫn đang thực hiện giao dịch với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long	680.000.000	-	680.000.000	-
Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
Đối tượng khác	2.790.252.173	-	2.790.252.173	-
Cộng	6.544.555.640	-	6.544.555.640	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Công cụ, dụng cụ	22.156.000	-	204.086.799	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	653.347.318.198	-	699.110.461.954	-
- Hàng hoá	15.194.574.404	-	180.590.937.683	-
Cộng	668.564.048.602	-	879.905.486.436	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>6.464.253.320</i>	<i>29.762.275.926</i>	<i>3.291.285.399</i>	<i>40.596.323.685</i>
- Mua trong năm	-	2.610.029.630	-	625.000.000	3.235.029.630
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>9.074.282.950</i>	<i>29.762.275.926</i>	<i>3.916.285.399</i>	<i>43.831.353.315</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>4.573.862.402</i>	<i>15.381.679.374</i>	<i>3.168.473.226</i>	<i>24.202.524.042</i>
- Khấu hao trong năm	-	1.026.661.757	2.803.776.780	169.914.423	4.000.352.960
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>5.600.524.159</i>	<i>18.185.456.154</i>	<i>3.338.387.649</i>	<i>28.202.877.002</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<i>1.890.390.918</i>	<i>14.380.596.552</i>	<i>122.812.173</i>	<i>16.393.799.643</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	<i>3.473.758.791</i>	<i>11.576.819.772</i>	<i>577.897.750</i>	<i>15.628.476.313</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 13.172.521.554 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay lần lượt là 2.901.669.909 đồng và 1.193.266.939 đồng.

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.051.687.851</i>	<i>1.051.687.851</i>
- Mua trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.051.687.851</i>	<i>1.051.687.851</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>788.896.452</i>	<i>788.896.452</i>
- Khấu hao trong năm	115.016.126	115.016.126
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>903.912.578</i>	<i>903.912.578</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>262.791.399</i>	<i>262.791.399</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>147.775.273</i>	<i>147.775.273</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 337.480.000 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	<i>1.459.201.373</i>	<i>2.180.929.644</i>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	439.872.976	679.826.025
- Chi phí bảo hiểm	187.857.366	383.158.465
- Chi phí phần mềm	241.177.323	297.725.928
- Chi phí thuê nhà cho công nhân, BQL dự án	118.063.226	108.700.000
- Chi phí sửa chữa	376.488.377	450.005.423
- Chi phí tuyển dụng	78.599.166	127.865.401
- Các khoản khác	17.142.939	133.648.402
b. Dài hạn	<i>60.589.780.515</i>	<i>63.290.282.993</i>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	1.700.612.135	1.636.851.324
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	38.224.242.550	39.187.878.910
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	18.751.515.200	19.224.242.468
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	1.794.114.033	1.931.012.433
- Chi phí sửa chữa	27.446.995	51.098.709
- Chi phí phần mềm	84.613.658	328.827.074
- Các khoản khác	7.235.944	930.372.075
Cộng	<i>62.048.981.888</i>	<i>65.471.212.637</i>

- (a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.
- (b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.
- (c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06 tháng 6 năm 2015 đến hết ngày 26 tháng 7 năm 2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	573.446.879.406	573.446.879.406	1.364.061.335.513	929.885.822.926	1.007.622.391.993	1.007.622.391.993
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>573.046.879.406</i>	<i>573.046.879.406</i>	<i>1.362.321.335.513</i>	<i>927.745.822.926</i>	<i>1.007.622.391.993</i>	<i>1.007.622.391.993</i>
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (a)	247.387.769.207	247.387.769.207	249.777.941.218	249.840.769.177	247.324.941.248	247.324.941.248
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	24.973.651.701	24.973.651.701	34.362.555.875	59.336.207.576	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	30.000.000.000	30.000.000.000	120.227.502.311	55.282.600.715	94.944.901.596	94.944.901.596
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (c)	132.381.869.995	132.381.869.995	201.661.124.667	270.103.077.812	63.939.916.850	63.939.916.850
+ Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội (d)	35.046.000.000	35.046.000.000	58.379.256.764	70.285.256.764	23.140.000.000	23.140.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (e)	103.257.588.503	103.257.588.503	619.941.803.798	216.199.910.882	506.999.481.419	506.999.481.419
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở Giao dịch (f)	-	-	14.469.400.000	6.698.000.000	7.771.400.000	7.771.400.000
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy (g)	-	-	48.501.750.880	-	48.501.750.880	48.501.750.880
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì (h)	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>	<i>1.740.000.000</i>	<i>2.140.000.000</i>	-	-
+ Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Altara Hospitality Group (AHG)	-	-	1.740.000.000	1.740.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	573.446.879.406	573.446.879.406	1.364.061.335.513	929.885.822.926	1.007.622.391.993	1.007.622.391.993

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/2023/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 15 tháng 03 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực và hoạt động xây dựng của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất vay là 10,9% - 13,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng số 145652.23.057.252308.TD ngày 22 tháng 12 tháng 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp điện của Công ty. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng, trong đó: Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 45.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 300.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là 6,67% – 7,80%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 23 tháng 11 năm 2024. Khoản vay được đảm bảo quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng xây lắp, kinh doanh của Công ty; Hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội và phương tiện vận tải là xe ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2023/408/HĐTD ngày 05 tháng 05 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức 118.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay là 5,6% - 8,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (d) Khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cấp tín dụng số 30230066 ngày 12 tháng 10 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua nội địa nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 35.046.000.000 đồng. Thời hạn tín dụng là 01 năm (từ ngày 03 tháng 10 năm 2023). Lãi suất cho vay 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân và khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị bằng 30% của số tiền ngân hàng đã giải ngân tại Ngân hàng Frist Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hà Nội.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 20222656375 ngày 22 tháng 06 năm 2022 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh. Hạn mức cấp tín dụng là 507.000.000.000 đồng. Thời hạn vay được gia hạn đến hết ngày 25 tháng 07 năm 2024. Lãi suất vay là 7,5% - 10,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở Giao dịch theo hợp đồng số Hợp đồng tín dụng nguyên tác số 0002-2023-HDDTD1-BVB005 ngày 28 tháng 02 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giới hạn tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó: Hạn mức cho vay tối đa là 100.000.000.000 đồng và Hạn mức cấp bảo lãnh tối đa là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng tối đa là 12 tháng từ ngày ký (nhưng không quá 13 tháng kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022). Lãi suất vay là 10,05% - 10,60%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy theo hợp đồng cấp tín dụng số 0000414827/2023/HĐTD-BacABank.180 ngày 27 tháng 10 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh (ngoài trừ kinh doanh bất động sản) của Công ty. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn tín dụng là 12 tháng (từ ngày 27 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 27 tháng 10 năm 2024). Lãi suất cho vay từ 8,6% - 8,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì theo hợp đồng cấp tín dụng số 186/2023/HDTD/TTI ngày 13 tháng 12 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây lắp của Công ty. Hạn mức cho vay là 110.000.000.000 đồng. Thời hạn tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất cho vay từ 7,0% - 8,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	541.222.698.555	541.222.698.555	624.531.219.307	624.531.219.307
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	127.665.814.375	127.665.814.375	92.739.576.953	92.739.576.953
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	70.936.172.771	70.936.172.771	72.441.629.952	72.441.629.952
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	52.979.872.648	52.979.872.648	53.586.860.357	53.586.860.357
- SHENZHEN GOLD PHOENIX OVERALL ASSEMBLY FURNITURE CO.,LTD	68.141.516.753	68.141.516.753	35.183.958.178	35.183.958.178
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	7.182.789.058	7.182.789.058	77.315.042.339	77.315.042.339
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	214.316.532.950	214.316.532.950	293.264.151.528	293.264.151.528
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	541.222.698.555	541.222.698.555	624.531.219.307	624.531.219.307

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	65.206.077.705
- Công ty Cổ Phần Zeta EC (Công ty TNHH TM XD và lắp đặt ZETA)	53.707.498.345	-
- Công ty cổ phần Beda T&C	-	53.914.129.252
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	-	73.823.219.810
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	1.208.097.239	17.031.991.202
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	10.290.482.121	13.379.374.800
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	65.206.077.705	158.148.715.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.458.069.790	6.458.069.790	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	333.832.426	333.832.426	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.445.806.489	5.913.367.135	5.445.806.489	-	5.913.367.135
- Thuế thu nhập cá nhân	-	654.102.639	2.819.599.878	2.468.894.191	-	1.004.808.326
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	6.099.909.128	15.527.869.229	14.709.602.896	-	6.918.175.461

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	13.672.127.430	3.350.763.439
- Chi phí lãi vay	1.676.727.423	1.243.887.420
- Trích trước chi phí thi công trình	11.995.400.007	2.106.876.019
b. Dài hạn	-	-
Cộng	13.672.127.430	3.350.763.439

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	82.553.257.823	6.537.177.620
- Kinh phí công đoàn	190.977.530	1.892.645.741
- Bảo hiểm xã hội	15.132.291	-
- Bảo hiểm y tế	3.817.683	514.085
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.186.846	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.486.688.414	3.791.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.855.455.059	852.417.794
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	78.837.601.292	-
- Chi nhánh Ngọc Khánh (*)		
+ Các đối tượng khác	1.017.853.767	852.417.794
b. Dài hạn	-	-
Cộng	82.553.257.823	6.537.177.620

(*) Khoản phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh liên quan đến khoản cấp LC bảo lãnh thanh toán cho nhà cung cấp về mua hàng hóa.

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	3.612.621.200	1.269.920.141
- Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	3.612.621.200	1.269.920.141
a. Dài hạn	-	-
Cộng	3.612.621.200	1.269.920.141



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	252.000.000.000	-	840.866.910	92.207.697.344	345.048.564.254
Tăng vốn trong năm trước	400.000.000.000	(194.400.000)	-	-	399.805.600.000
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	20.845.680.117	20.845.680.117
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	652.000.000.000	(194.400.000)	840.866.910	113.053.377.461	765.699.844.371
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	-	21.197.554.991	21.197.554.991
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	652.000.000.000	(194.400.000)	840.866.910	134.250.932.452	786.897.399.362

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	541.202.100.000	83,01	541.202.100.000	83,01
Ông Nguyễn Minh Nhật	28.168.150.000	4,32	28.168.150.000	4,32
Các đối tượng khác	82.629.750.000	12,67	82.629.750.000	12,67
Cộng	652.000.000.000	100,00	652.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	652.000.000.000	252.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	400.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	65.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.200.000	65.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.200.000	65.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	65.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.200.000	65.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	-	171,01
- EUR	-	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
Cộng	7.470.333.305	7.470.333.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	1.471.772.477.692	1.582.422.996.189
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.166.117.205	1.822.200.000
- Doanh thu hoạt động xây lắp	723.460.113.531	616.184.523.381
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.918.632.591	12.822.292.037
Cộng	<u>2.215.317.341.019</u>	<u>2.213.252.011.607</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.449.716.998.851	1.478.220.799.941
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.762.851.491	3.881.502.705
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	638.443.362.922	602.492.064.608
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	9.680.413.304	8.697.341.857
Cộng	<u>2.099.603.626.568</u>	<u>2.093.291.709.111</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	272.075.403	60.762.606
- Lãi chênh lệch tỷ giá	662.010.050	1.370.780.910
Cộng	<u>934.085.453</u>	<u>1.431.543.516</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	63.257.134.950	54.758.965.719
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.660.385.708	1.799.985.749
Cộng	<u>64.917.520.658</u>	<u>56.558.951.468</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền đặt cọc thu được do chấm dứt hợp đồng	3.756.600.000	-
- Tiền thưởng được nhận	100.000.000	-
- Các khoản khác	9.774.934	20.034.042
Cộng	<u>3.866.374.934</u>	<u>20.034.042</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	330.845.743	5.708.885
- Các khoản khác	653.934.695	1.395.394
Cộng	984.780.438	7.104.279

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	27.500.951.616	38.379.572.991
- Chi phí nhân viên quản lý	11.012.334.235	18.376.538.105
- Chi phí vật liệu quản lý	362.360.438	972.747.864
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.620.142.439	2.199.005.629
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	812.568.979
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.542.576.048	8.161.360.118
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.960.538.456	7.857.352.296
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
Cộng	27.500.951.616	38.379.572.991

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	5.913.367.135	5.528.879.365
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	91.691.834
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.913.367.135	5.620.571.199

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.110.922.126	26.466.251.316
Các khoản điều chỉnh tăng	2.455.913.553	1.178.145.508
- Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	330.558.573	-
- Chi phí không hợp lệ khác	2.125.354.980	1.178.145.508
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	29.566.835.679	27.644.396.824
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	5.913.367.135	5.528.879.365
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	5.913.367.135	5.528.879.365

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	21.197.554.991	20.845.680.117
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.197.554.991	20.845.680.117
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.200.000	48.716.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	325	428

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	21.197.554.991	20.845.680.117
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.197.554.991	20.845.680.117
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.200.000	48.716.484
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	325	428

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.302.261.573	174.126.333.467
- Chi phí nhân công	44.870.120.264	31.936.898.978
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.115.369.086	3.108.199.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.244.039.727	695.946.177.284
- Chi phí khác bằng tiền	4.707.028.310	11.270.919.601
Cộng	776.238.818.960	916.388.528.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhập gốc tiền gửi có kỳ hạn	46.370.914	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	1.525.400.000	-	1.525.400.000
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	520.400.000	-	520.400.000
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2023)	524.744.000	-	524.744.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2023)	95.500.000	-	95.500.000
Cộng		<u>2.666.044.000</u>	<u>-</u>	<u>2.666.044.000</u>

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước				
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 03/3/2022)	90.000.000	-	90.000.000
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2022)	760.000.000	-	760.000.000
Ông Nguyễn Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	440.000.000	-	440.000.000
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/8/2022)	101.500.000	-	101.500.000
Cộng		<u>1.391.500.000</u>	<u>-</u>	<u>1.391.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty cùng Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	128.210.814.183
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	128.210.814.183
Phải thu khác ngắn hạn	107.341.742.247	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	107.341.742.247	-
Cộng nợ phải thu	107.341.742.247	128.210.814.183

03. Thuê hoạt động**Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.573.262.028	1.573.262.028
Trên 1 năm đến 5 năm	6.293.048.112	6.293.048.112
Trên 5 năm	50.903.561.643	52.476.823.671
Cộng	58.769.871.783	60.343.133.811

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Phụ lục số 03 ngày 15 tháng 01 năm 2017. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Công ty thuê một phần sàn tầng 1 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 9 năm kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018.
- Công ty thuê 1.782,70 m2 toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06 tháng 6 năm 2015 đến hết ngày 26 tháng 7 năm 2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.776.364.068	13.776.364.068
Trên 1 năm đến 5 năm	50.163.126.572	52.858.942.772
Trên 5 năm	8.804.966.370	2.598.726.438
Cộng	<u>72.744.457.010</u>	<u>69.234.033.278</u>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực đến ngày 31 tháng 07 năm 2029.
- Công ty đã cho thuê một phần tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 và một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và một phần cho thuê trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022.
- Công ty đã cho thuê một phần tầng 2 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức cho thuê hoạt động trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp thi công điện.
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại.
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác: dịch vụ, cho thuê tài sản, kinh doanh doanh bất động sản.

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thi công xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ; cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	723.460.113.531	1.471.772.477.692	20.084.749.796	2.215.317.341.019
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Doanh thu tài chính	305.045.943	620.570.803	8.468.707	934.085.453
- Chi phí phân bổ bộ phận	668.624.627.342	1.511.116.312.351	12.281.159.149	2.192.022.098.842
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	55.140.532.132	(38.723.263.856)	7.812.059.354	24.229.327.630
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.332.172.894	2.710.108.497	36.983.876	4.079.265.267
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.501.574.796	5.089.083.512	69.448.893	7.660.107.201
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.889.162.729.879	591.121.609.500	14.540.470.648	2.494.824.810.027
- Tài sản không phân bổ				21.217.099.514
Tổng tài sản	1.889.162.729.879	591.121.609.500	14.540.470.648	2.516.041.909.541
- Nợ phải trả bộ phận	843.003.350.032	869.348.850.112	16.792.310.035	1.729.144.510.179
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	843.003.350.032	869.348.850.112	16.792.310.035	1.729.144.510.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Hoạt động thi công xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ; cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	616.184.523.381	1.582.422.996.189	14.644.492.037	2.213.252.011.607
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Doanh thu tài chính	398.551.523	1.023.519.856	9.472.138	1.431.543.516
- Chi phí phân bổ bộ phận	633.496.306.940	1.541.294.340.144	13.439.586.486	2.188.230.233.570
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(16.913.232.037)	42.152.175.901	1.214.377.689	26.453.321.553
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.226.156.922	13.421.289.535	124.206.971	18.771.653.428
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.358.912.276	6.057.920.784	56.062.869	8.472.895.929
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.212.684.339.697	886.201.911.490	11.398.690.428	2.110.284.941.615
- Tài sản không phân bổ				34.969.766.460
Tổng tài sản	1.212.684.339.697	886.201.911.490	11.398.690.428	2.145.254.708.075
- Nợ phải trả bộ phận	705.240.540.357	663.598.856.247	10.715.467.100	1.379.554.863.704
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	705.240.540.357	663.598.856.247	10.715.467.100	1.379.554.863.704

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.657.099.514	-	34.969.766.460	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.405.975.692.666	(6.544.555.640)	440.150.465.976	(6.544.555.640)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.560.000.000	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Cộng	1.427.192.792.180	(6.544.555.640)	475.120.232.436	(6.544.555.640)		
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	541.222.698.555	624.531.219.307	(*)	(*)		
Vay và nợ	1.007.622.391.993	573.446.879.406	(*)	(*)		
Chi phí phải trả	13.672.127.430	3.350.763.439	(*)	(*)		
Các khoản phải trả khác	82.553.257.823	6.537.177.620	(*)	(*)		
Cộng	1.645.070.475.801	1.207.866.039.772				

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

06. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.09 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Xe ô tô Fortuner TGN156L-SDTMKU (30E-859.58)	457.105.819	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay ngắn hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
Xe ô tô Toyota Fortuner GUN156L-SDTMHY (30F - 475.11)	736.161.120	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay ngắn hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
Cộng	<u>1.193.266.939</u>	

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	541.222.698.555	-	-	541.222.698.555
Vay và nợ	1.007.622.391.993	-	-	1.007.622.391.993
Chi phí phải trả	13.672.127.430	-	-	13.672.127.430
Các khoản phải trả khác	82.553.257.823	-	-	82.553.257.823
Cộng	1.645.070.475.801	-	-	1.645.070.475.801
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	624.531.219.307	-	-	624.531.219.307
Vay và nợ	573.446.879.406	-	-	573.446.879.406
Chi phí phải trả	3.350.763.439	-	-	3.350.763.439
Các khoản phải trả khác	6.537.177.620	-	-	6.537.177.620
Cộng	1.207.866.039.772	-	-	1.207.866.039.772

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kê toán trưởng

Nguyễn Hải Yến

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Tổng tài sản	2.165.874.237.583	2.516.041.909.541
2	Doanh thu thuần	1.697.662.228.352	2.215.317.341.019
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.619.529.508	21.197.554.991

Hội đồng quản trị xét thấy nếu chia cổ tức cho Cổ đông hiện hữu thì cổ tức Cổ đông nhận được là rất nhỏ. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc không phân phối lợi nhuận năm 2023 và bổ sung nguồn lợi nhuận sau thuế này vào vốn lưu động của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- DHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 chi tiết như sau.

1. Tiêu chí lựa chọn Đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam;
- Công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán theo các qui định của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam (VAS);
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất của Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập vào danh sách:

- Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C (A&C)
- Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán Aasc (Aasc)
- Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) (Gt)
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán Aac (Aac)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Afc Việt Nam (Afc)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Vaco (Vaco)
- Công ty TNHH Kiểm Toán An Việt (An Việt)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Bdo (Bdo)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Fac (Fac)
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Việt Nam (Vae)
- Công ty TNHH Kiểm Toán - Thẩm Định Giá và Tư Vấn Ecovis Afa Việt Nam (Ecovis Afa Việt Nam)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế (Icpa)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Dfk Việt Nam (Dfk)
- Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (Aasc)
- Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt (Nvt)
- Công ty TNHH Tư Vấn – Kiểm Toán S&S (S&S)
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Thẩm Định Giá Việt Nam (Ava)
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Quốc Tế (Iav).

3. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét thông qua:

- Phê duyệt chủ trương lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán với một trong các Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách trên.



- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo quy trình mua sắm của Công ty.
- Giao cho Tổng giám đốc Công ty cổ phần Alphanam E&C ký Hợp đồng cung cấp Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua. *mp*

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 07/2024/TTr/AME- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 1. Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:**
Công ty không chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023.
- 2. Kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2024:**
Công ty không chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Bùi Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn); Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn).</i>	4299	

2. Sửa đổi điều lệ theo nội dung trên.

(Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung ở file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- DHDCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT****Bùi Hoàng Tuấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 09/2024/TTr/AME- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ Công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ Công ty:

(Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung ở file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

(Ban hành ngày 17 tháng 04 năm 2024)

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	30

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 34. Người điều hành Công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	32
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	33
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	35
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	36
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	36
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 48. Năm tài chính.....	37
Điều 49. Chế độ kế toán	37
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	38
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	38
Điều 52. Kiểm toán	38
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	38
Điều 54. Giải thể công ty	38
Điều 55. Gia hạn hoạt động	39
Điều 56. Thanh lý	39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
Điều 58. Điều lệ công ty.....	40
Điều 59. Ngày hiệu lực	40
PHỤ LỤC 01.....	41
PHỤ LỤC 02.....	41

PHẦN MỞ ĐẦU.

Điều lệ của Công ty cổ phần Alphanam E&C- dưới đây gọi là “Công ty” - là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan sẽ là những nguyên tắc ràng buộc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm 2024.

Chương I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **ALPHANAM E&C ., JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: 024 35587979
 - Fax: 024 35578420
 - E-mail: info@alphanam.com
 - Website: alphanamec.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.
3. Người đại diện theo pháp luật của công ty là người đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh

của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc cá nhân và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III.

PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết:</i> - Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500 KV; - Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị.	4221	x
2	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít <i>Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả;</i>	2023	
3	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Sơn, bột bả, vật liệu xây dựng</i>	4663	
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> <i>Tư vấn dự án, lập dự án;</i> <i>Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;</i> <i>- Thẩm tra các bản vẽ kỹ thuật thi công các công trình xây dựng</i>	7110	

	<p>(Trong phạm vi chứng chỉ hành nghề);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ thầu và tổ chức đấu thầu công trình xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng gồm: giám sát công tác xây dựng công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ; giám sát công tác lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; - Giám sát, thi công xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình; - Dịch vụ chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; - Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường; - Khảo sát địa chất công trình; - Khảo sát địa chất thủy văn; - Khảo sát địa hình công trình. <p>(Điều 87, Điều 89, Điều 91 nghị định số 15/2021/NĐ-CP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. <p>(Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021).</p>		
6	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô	4511	
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa ô tô	4520	
8	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến thương mại	8230	
9	Quảng cáo	7310	
10	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Trừ dịch vụ nổ mìn	4312	
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các công trình dân dụng;	4390	

	<p>- Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021)</p> <p>(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)</p>		
12	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất.</p>	6810	
13	<p>Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp</p> <p>Chi tiết: Thang máy</p>	2816	
14	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Thang máy</p>	4659	
15	<p>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);</p>	2399	
16	<p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Sản xuất máy móc công nghiệp</p>	2829	
17	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;</p> <p>- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hạ tầng đô thị, nông thôn.</p> <p>- Dịch vụ quan trắc môi trường, Trắc địa công trình, quan trắc tác động môi trường, quan trắc địa hình, quan trắc lún, địa chính các tỷ lệ.</p> <p>- Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020)</p> <p>(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)</p>	7490	

18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện</i>	2512	
19	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối</i>	4690	
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
21	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;</i>	7710	
22	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết: Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, Chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, Đèn trên đường băng sân bay.</i>	4321	
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn); Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn).</i>	4299	
24	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá</i> <i>Loại trừ: các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối.</i>	4610	
25	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết:</i> <i>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;</i> <i>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.</i>	4329	
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hòa</i>	4322	

	<i>không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.</i>		
27	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021; Loại trừ: các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối.)</i>	4669	
28	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Chương IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Điều lệ này
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty chỉ gồm cổ phần phổ thông trừ trường hợp Công ty thực hiện phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào theo quy định tại khoản 4 Điều này. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.

Chương VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

- v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy

quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;

- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số

- thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [Số lượng] người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 [Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

- q) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - r) Quyết định mua lại bằng hoặc dưới 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - s) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
 - t) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - u) Quyết định và giám sát tổ chức thực hiện chiến lược phát triển bền vững (ESG);
 - v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học

trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
 5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI.

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII.

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII.

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

- 1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản

trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Alphanam E&C nhất trí thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

PHỤ LỤC 01 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2024/NQ/AME- ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024
của Đại hội đồng cổ đông

ST T	Cổ đông sáng lập	Số cổ phần sở hữu thời điểm sáng lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Hải Địa chỉ: Khu Công nghiệp phố nổi A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Số lượng: 7.800.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	
2	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG Địa chỉ: 1-5 Nhà A1T5C, tập thể Quân đội, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam	Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	
3	NGUYỄN DUY PHƯƠNG Địa chỉ: P2-D23, Tập thể Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam	Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	
4	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT Địa chỉ: 5-B4, Tập thể cơ khí 120, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam	Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	
5	BÙI HOÀNG TUẤN Địa chỉ: Phòng 4, nhà R, Tập thể Đường sắt, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam	Số lượng: 400.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	
6	ÂU THIÊN HƯƠNG Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam	Số lượng: 200.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

PHỤ LỤC 02 -VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2024/NQ/AME- ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024
của Đại hội đồng cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **652.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).
2. Tổng số cổ phần: 65.200.000 cổ phần (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn cổ phần).
 - Loại cổ phần:
 - + Cổ phần phổ thông: 65.200.000 cổ phần (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn cổ phần).
 - + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN